

PHỤ LỤC 02
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2020-2025; PHƯƠNG HƯỚNG,
NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2025-2030

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI NHIỆM KỲ 2020-2025

A- BỐI CẢNH VÀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2020-2025

I- BỐI CẢNH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ

Việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2020 - 2025 của tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang diễn ra trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, thách thức, chịu tác động sâu sắc bởi những yếu tố bất lợi chưa có tiền lệ: Dịch bệnh Covid-19; thiên tai, bão lũ; xung đột vũ trang, cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn,... đã tác động, ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống xã hội.

Công cuộc đổi mới của đất nước ta tiếp tục đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo; sức cạnh tranh, tiềm lực và quy mô nền kinh tế được nâng lên. Phát triển văn hóa, con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Quốc phòng, an ninh không ngừng được tăng cường; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; lợi ích quốc gia, dân tộc được bảo đảm. Đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt nhiều thành tựu quan trọng, vị thế và uy tín đất nước được nâng cao.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc 02 tỉnh tiếp tục phát huy truyền thống quê hương cách mạng, đoàn kết, thống nhất, linh hoạt, sáng tạo, quyết tâm, nỗ lực cao độ khắc phục khó khăn, thách thức; bám sát và thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo, định hướng của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, huy động cao nhất mọi nguồn lực; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 về kinh tế - xã hội đề ra và đạt được nhiều thành tựu quan trọng, khá toàn diện.

II- CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Bám sát Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của Quốc hội, Chính phủ và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Đảng bộ 02 tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành nắm chắc tình hình, đặc biệt là những khó khăn, thách thức mới phát sinh để chủ động, kịp thời triển khai nhiều giải pháp tích cực, hiệu quả, phù hợp để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Ban Chấp hành Đảng bộ 02 tỉnh ban hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả về học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025; các nghị quyết chuyên đề, chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, các kế hoạch, đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đồng bộ, thống nhất, đầy đủ, kịp thời đến cán bộ, đảng viên và nhân dân; chỉ đạo 100% các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ 02 tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025.

Tổ chức tuyên truyền và thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của cả nước; Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 tới các cấp, các ngành,...

Chỉ đạo xây dựng, ban hành 40 nghị quyết chuyên đề¹, chỉ thị, chương trình hành động và nhiều chương trình, kế hoạch để cụ thể hóa, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, xuyên suốt trong cả nhiệm kỳ 2020-2025,... trong đó xác định đầy đủ, toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, xác định rõ trách nhiệm và nguồn lực thực hiện, các nhiệm vụ trọng tâm. Tỉnh đã tập trung nguồn lực thực hiện các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội; trong triển khai thực hiện có sự phân công, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, kịp thời của các cấp, các ngành, các địa phương và huy động sự tham gia, hưởng ứng tích cực, đồng hành của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

B- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH, NHIỆM KỲ 2020-2025 VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

I - KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT

¹ Tỉnh Tuyên Quang ban hành 18 Nghị quyết chuyên đề; Tỉnh Hà Giang ban hành 22 Nghị quyết chuyên đề.

Trong nhiệm kỳ 2020-2025, Ban Chấp hành Đảng bộ 02 tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt các giải pháp để hoàn thành các chỉ tiêu, khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm, kết quả tỉnh Tuyên Quang (trước sáp nhập) hoàn thành 14/14 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội (*có phụ lục 1 kèm theo*); tỉnh Hà Giang hoàn thành 12/15 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội (*có phụ lục 2 kèm theo*).

II- KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC ĐỘT PHÁ; MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ TRÊN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Lĩnh vực kinh tế

1.1. Kinh tế tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực

Quy mô kinh tế, tổng sản phẩm bình quân đầu người năm 2025 đều tăng so với năm 2020². Các nguồn lực cho đầu tư phát triển được huy động và sử dụng hiệu quả. Các khâu đột phá được tập trung thực hiện và đạt nhiều kết quả nổi bật. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ, công nghiệp, xây dựng, giảm tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp³.

1.2. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng chuyên sâu, từng bước gắn với nhu cầu thị trường

Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản bình quân 5 năm tăng khá; an ninh lương thực được đảm bảo. *Phát huy có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển, nâng cao chất lượng, thương hiệu một số sản phẩm chủ lực, đặc trưng (chè Shan tuyết, lúa đặc sản chất lượng cao, cam, bưởi...)*. Chỉ đạo ban

² **Tỉnh Tuyên Quang:** Tổng sản phẩm (GRDP) bình quân 5 năm đạt 8,01%. Quy mô kinh tế năm 2025 ước đạt 55.162 tỉ đồng, tăng 1,6 lần so với năm 2020. Tổng sản phẩm bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 66,68 triệu đồng/năm, tăng 23,16 triệu đồng so với năm 2020. **Tỉnh Hà Giang:** Tổng sản phẩm (GRDP) bình quân 5 năm đạt 5,9%. Quy mô kinh tế năm 2025 ước đạt 40.950 tỉ đồng, tăng 1,58 lần so với năm 2020. Tổng sản phẩm bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 45,0 triệu đồng/năm, tăng 15,2 triệu đồng so với năm 2020”

³ **Tỉnh Tuyên Quang:** Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) năm 2025 đạt 27.700 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 5 năm đạt 14,9%; Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (giá so sánh năm 2010) năm 2025 đạt 11.855,4 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 5 năm đạt 5,1%; Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ (giá so sánh năm 2010) năm 2025 đạt 18.999 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 5 năm đạt 8,23%. **Tỉnh Hà Giang:** Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) năm 2025 đạt 11.833 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 5 năm đạt 6,63%; Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (giá so sánh năm 2010) năm 2025 đạt 9.550 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 5 năm đạt 4,63%; Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ (giá so sánh năm 2010) đạt 14.039 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân 5 năm đạt 7,74%.

hành nhiều cơ chế, chính sách⁴ để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn đã có bước chuyển dịch tích cực theo hướng đẩy mạnh sản xuất các loại nông sản hàng hóa có nhu cầu thị trường và có giá trị kinh tế cao. Đẩy mạnh thâm canh, đưa các bộ giống mới có năng suất, chất lượng vào gieo trồng, triển khai xây dựng cánh đồng mẫu, phát triển mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn GAP và VietGAP. Đến năm 2025, tổng sản lượng lương thực ước đạt 78 vạn tấn; giá trị sản phẩm trồng trọt thu hoạch bình quân/ha đất canh tác ước đạt 83,5 triệu đồng.

Phát triển chăn nuôi hàng hóa theo hình thức gia trại, trang trại, chuỗi giá trị, đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học và vệ sinh môi trường; ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới để nâng cao năng suất, chất lượng trong chăn nuôi. Khai thác lợi thế mặt nước để phát triển thủy sản hàng hóa, nhất là hình thức nuôi cá lồng trên sông, hồ thủy điện; ứng dụng phương pháp sinh sản nhân tạo và nuôi thành công một số loại cá đặc sản có giá trị kinh tế cao (*cá Tầm, Lăng Chấm, cá Chiên, cá Anh vũ, cá Bống, ...*)

Kinh tế lâm nghiệp phát triển khá nhanh và vững chắc; duy trì tỷ lệ che phủ của rừng trên 60%; diện tích rừng trồng, sản lượng khai thác và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) đạt cao, trong đó tỉnh Tuyên Quang đạt 89.031 lượt ha rừng trồng (*đứng đầu cả nước*). Hoàn thành vượt kế hoạch Đề án trồng một tỷ cây xanh; chỉ đạo xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện “*Đề án xây dựng Tuyên Quang trở thành Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trung tâm sản xuất và chế biến gỗ*”.

Xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều kết quả quan trọng, hoàn thành các mục tiêu đề ra, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn và nâng cao đời sống người dân, đạt nhiều kết quả tích cực, với nhiều cách làm sáng tạo, nhất là về huy động nguồn lực; diện

⁴ - Tỉnh Tuyên Quang ban hành: (1) Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025; (2) Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh Quy định về mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025; (3) Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ thực hiện bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2023-2030; (4) Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh; (5) Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của HĐND tỉnh, có 29/35 dự án liên kết đang triển khai thực hiện;...

- **Tỉnh Hà Giang** ban hành: (1) Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 10/10/2021 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp đặc trưng hàng hóa chất lượng cao theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025; (2) Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 01/12/2020 về cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ để tạo sinh kế cho người dân, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; (3) Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 01/12/2020 về phát triển bền vững cây Cam sành trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;...

mạo nông thôn có nhiều đổi mới⁵.

1.3. Du lịch tiếp tục phát triển, từng bước trở thành ngành kinh tế quan trọng và tập trung phát triển thương mại, dịch vụ

Việc phát triển du lịch được gắn kết chặt chẽ với bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa, lịch sử và bản sắc văn hóa các dân tộc. Chú trọng khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế, xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng về: Lịch sử cách mạng, văn hóa, lễ hội, sinh thái, nghỉ dưỡng, tâm linh, cộng đồng, du lịch mạo hiểm,... Tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng, dịch vụ và các sản phẩm du lịch hấp dẫn như: Khu di tích Quốc gia đặc biệt Tân Trào, Di tích lịch sử cách mạng Căng Bắc Mê, Bảo tàng tỉnh, Bảo tàng ATK Tân Trào, Quảng trường Nguyễn Tất Thành, Quảng trường 26/3... Nâng cao chất lượng tổ chức sản phẩm du lịch lễ hội truyền thống của các dân tộc và lễ hội văn hóa du lịch. Lễ hội chợ Phong Lưu Khâu Vai, Khèn Mông, hoa Tam giác mạch và Lễ hội Thành Tuyên... đã trở thành sản phẩm du lịch đặc sắc, riêng có. Giữ vững và phát huy giá trị Danh hiệu thành viên Mạng lưới Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn,... Du lịch Tuyên Quang đã được vinh danh tại giải thưởng du lịch Châu Á với danh hiệu điểm đến mới nổi hàng đầu Châu Á (2023), điểm đến Văn hóa hàng đầu Châu Á (2024).

Khu vực dịch vụ, thương mại tiếp tục phát triển; nhiều mô hình sản xuất kinh doanh mới được hình thành. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng hằng năm đạt và vượt kế hoạch; giá trị xuất khẩu hàng hóa tăng khá. Tập trung thu hút đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thương mại hiện đại; hệ thống các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng bán lẻ; Toàn tỉnh có 275 chợ, 02 trung tâm thương mại và nhiều cửa hàng tạp hóa/tổng hợp. Phát triển thương mại điện tử, các loại hình thương mại dựa trên nền tảng số hóa; ứng dụng có hiệu quả thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chỉ đạo nắm chắc tình hình giá cả thị trường, thực hiện nghiêm các biện pháp bình ổn giá theo quy định; tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, không để đầu cơ, tăng giá, gian lận thương mại, nhất là các mặt hàng thiết yếu (*xăng, dầu, lương thực, thực phẩm,...*) đảm bảo cung ứng hàng hóa phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của Nhân dân. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".

Kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu vực các cửa khẩu (Thanh Thủy, Xín Mần, Sầm

⁵ Tính đến thời điểm 30/6/2025: Tỉnh Tuyên Quang có 94 xã và 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Tỉnh Hà Giang có 51 xã đạt chuẩn nông thôn mới và 01 đơn vị cấp huyện (thành phố Hà Giang) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Sau sáp nhập và sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã; tỉnh Tuyên Quang có 35 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Pun), lối thông qua hàng hóa thuộc cặp cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy - Thiên Bảo và lối mở Lũng Làn - Lũng Bình được quan tâm bố trí vốn và đẩy nhanh tiến độ thi công, góp phần thúc đẩy lưu thông phân phối hàng hóa thông suốt, phục vụ đầy đủ, kịp thời đời sống và sản xuất của nhân dân, doanh nghiệp trên địa bàn. Công tác cải cách thủ tục hành chính lĩnh vực hải quan được đẩy mạnh, đảm bảo vận hành và triển khai hiệu quả hệ thống hải quan điện tử (VNACCS/VCIS) nhằm rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa. Đến năm 2025, kim ngạch xuất nhập qua các cửa khẩu của tỉnh ước đạt 500 triệu USD, tăng 22% so với năm 2020. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là: Antimon, ớt khô, chè vàng khô, tinh bột sắn, ván bóc, hạt lạc nhân khô, chuối xanh, quả thanh long, quả mít...

1.4. Sản xuất công nghiệp có bước phát triển

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng khá; có 04 sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam⁶. Duy trì và mở rộng công suất của các nhà máy sản xuất công nghiệp quy mô lớn⁷. Chú trọng phát huy tiềm năng để phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, như: Phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản gắn với vùng nguyên liệu với các nhà máy chế biến gỗ, nhà máy chế biến nông sản; phát triển công nghiệp may mặc; công nghiệp giày da; sản xuất vật liệu xây dựng; chế biến khoáng sản; công nghiệp phụ trợ... Phát triển công nghiệp điện, tập trung đơn đốc đẩy nhanh tiến độ các dự án thủy điện theo kế hoạch, đến nay, toàn tỉnh có 52 nhà máy thủy điện và 01 nhà máy điện sinh khối đang hoạt động, tổng công suất 1.318 MW, hàng năm cung cấp cho lưới điện Quốc gia hơn 4,8 tỉ kWh/năm, đóng góp quan trọng vào việc giữ vững an ninh năng lượng Quốc gia. Hệ thống điện lưới trên địa bàn tỉnh được vận hành an toàn, ổn định đảm bảo cung ứng điện cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống sinh hoạt của nhân dân. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư, xây dựng mới các khu, cụm công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 03 khu công nghiệp hoạt động, thu hút 50 dự án, tổng vốn đăng ký đầu tư trên 10.736,16 tỷ đồng; có 16 cụm công nghiệp được thành lập, tổng diện tích 783,6 ha (trong đó có 07 cụm công nghiệp đi vào hoạt động; 09 cụm chưa hoạt động) với tổng vốn đầu tư đăng ký 8.888 tỷ đồng, thu hút 43 dự án, tổng vốn đăng ký đầu tư trên 8.136 tỷ đồng (trong đó có 29 dự án đã đi vào hoạt động); Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thu hút được 40 dự án, tổng vốn đăng ký đầu tư 752,53 tỷ đồng.

⁶ 02 sản phẩm Giấy và Bột giấy của Công ty cổ phần Giấy An Hoà (năm 2022); 02 sản phẩm Ván sàn Woodslan và Đồ gỗ nội, ngoại thất Woodslan của Công ty cổ phần Woodslan Tuyên Quang (năm 2024).

⁷ Nhà máy bột giấy và giấy An Hòa, Nhà máy sản xuất gang thép, Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Woodslan, Nhà máy may MSA YB Tuyên Quang, Nhà máy may LGG Tuyên Quang, Nhà máy luyện Ferromangan công suất 10.000 tấn/năm của Công ty cổ phần hợp kim sắt Hà Giang; Nhà máy luyện Antimon kim loại công suất 1000 tấn/năm....

Hoạt động khuyến công được tăng cường, trong đó tập trung hỗ trợ trực tiếp cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đầu tư mua sắm máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất, xây dựng các mô hình trình diễn kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, ứng dụng công nghệ mới, hỗ trợ thiết kế mẫu mã bao bì sản phẩm, hỗ trợ các cơ sở có sản phẩm được chứng nhận OCOP, sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp.

1.5. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ thông tin đạt được nhiều kết quả quan trọng, nổi bật

Các nguồn lực cho đầu tư phát triển được huy động và sử dụng hiệu quả hơn. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tập trung vốn đầu tư cho các công trình, dự án trọng điểm, có sự lan tỏa cao, kết nối vùng, liên vùng, khắc phục căn bản tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán. Việc thực hiện khâu đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị động lực và hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng hiện đại đạt được nhiều kết quả nổi bật. Chất lượng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện. Hoàn thành Dự án cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; triển khai đầu tư xây dựng cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (*giai đoạn 1*) và nhiều công trình quan trọng khác⁸.

Hoàn thành và triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang, Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thực hiện hiệu quả các giải pháp về nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa. Hạ tầng công nghệ thông tin và các nền tảng ứng dụng số từng bước được đầu tư theo hướng đồng bộ, liên thông, hiện đại. Hệ thống thông tin điều hành thông suốt từ tỉnh đến cơ sở. Đến nay, 100% các cơ quan nhà nước được đầu tư nâng cấp, lắp đặt và thường xuyên sử dụng Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Tuyên Quang (*kết nối thông suốt từ Trung ương đến tỉnh, xã*); Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC) được xây dựng và đưa vào sử dụng phục vụ công tác điều hành, xử lý các tình huống khẩn cấp trên địa bàn toàn tỉnh nhanh chóng, chính xác và hiệu quả. Cải tạo, nâng cấp, từng bước ngầm hóa và phát triển cơ sở hạ tầng

⁸ Như: Đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn, đường từ hồ Ba Bể, Bắc Kạn đến hồ thủy điện Na Hang, Lâm Bình; ĐT.188 đoạn Chiêm Hoá - Lâm Bình; QL.2C đoạn Chiêm Hoá - Na Hang; đường Tân Yên - Thái Sơn; đường từ Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm đến QL.2D; đường tránh thị trấn Sơn Dương; đường trục phát triển đô thị từ thành phố Tuyên Quang đi trung tâm huyện Yên Sơn, chuẩn bị khởi công đường Sơn Dương - Tân Trào và đường từ thành phố Tuyên Quang đi Khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm; ĐT.176, ĐT.176B, ĐT.177, ĐT.178, ĐT.183; ĐT.182B, Đường Pả Vi - Xin Cái - Mốc 456...

cáp quang bảo đảm an toàn, dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ sóng trên toàn tỉnh, đưa dịch vụ Internet cáp quang đến 100% trung tâm các xã, phường.

1.6. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế có nhiều chuyển biến tích cực

Thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), nhất là chỉ số thành phần về Gia nhập thị trường, Tính minh bạch, Tiếp cận đất đai, Chi phí không chính thức.... Chỉ đạo các cấp, các ngành chức năng thường xuyên tổ chức gặp gỡ đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh để giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc. Hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi và phát triển nhanh hơn sau đại dịch Covid-19. Chủ động thực hiện các giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư; triển khai các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi phát triển các loại hình doanh nghiệp, kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, đặc biệt là triển khai thực hiện kịp thời Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Công tác giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp được thực hiện nhanh trong 01 ngày làm việc.

Chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án thu hút đầu tư tỉnh giai đoạn 2021-2025. Tích cực, chủ động làm việc với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn; tổ chức nhiều hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch trong và ngoài nước; thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư có tiềm năng đầu tư vào tại tỉnh, như: Tập đoàn VinGroup, Tập đoàn Danko, Tập đoàn Flamigo... và các nhà đầu tư nước ngoài đã đến khảo sát, đầu tư tại tỉnh. Giai đoạn 2021-2025 phê duyệt chủ trương đầu tư cho 155 dự án với tổng số vốn đầu tư đăng ký đạt trên 55.398,6 tỷ đồng. Luỹ kế, trên địa bàn tỉnh có 739 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký trên 143.804 tỷ đồng; có 478 dự án hoàn thành đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, với tổng mức đầu tư trên 60.000 tỷ đồng, trong đó có 25 dự án của 23 nhà đầu tư 100% vốn nước ngoài, với vốn đăng ký trên 6.720 tỷ đồng. Từ năm 2021 đến nay có 4.081 doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc đăng ký thành lập mới với số vốn đăng ký 18.934,55 tỷ đồng; tổng số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc trên địa bàn tỉnh hiện có 8.968 doanh nghiệp với vốn đăng ký trên 89.166 tỷ đồng. Các hoạt động đối thoại, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp, hợp tác xã được quan tâm thực hiện thường xuyên; thành lập Tổ công tác tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm các dự án chậm tiến độ, vi phạm các quy định của pháp luật.

1.7. Tập trung phát triển nguồn thu và tăng cường quản lý ngân sách nhà nước. Thực hiện tiết kiệm triệt để chi thường xuyên, tập trung nguồn lực cho chi đầu tư phát triển. Chất lượng hoạt động tín dụng được nâng lên

Công tác quản lý, điều hành hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước được tăng cường. Cân đối ngân sách nhà nước được đảm bảo, các nhiệm vụ chi cho các chính sách miễn, giảm, giãn, hoãn, gia hạn các loại thuế, phí, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, phục hồi sản xuất kinh doanh được thực hiện kịp thời. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chi ngân sách địa phương hằng năm theo dự toán được phê duyệt; đảm bảo nguồn lực thực hiện kịp thời các chính sách an sinh xã hội, giáo dục đào tạo, quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chi đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định; tiết kiệm triệt để chi thường xuyên, tập trung nguồn lực cho chi đầu tư phát triển. Đảm bảo cân đối ngân sách địa phương; xây dựng các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội phù hợp với thực tế địa phương. Chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công được tăng cường.

Công tác huy động vốn được đẩy mạnh; đến năm 2025, nguồn vốn huy động tại địa phương ước đạt 71.352 tỷ đồng, tăng 84,6% so với năm 2020. Tập trung vốn tín dụng vào các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm, các chương trình kinh tế - xã hội, các lĩnh vực sản xuất, ưu tiên đối với nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, khởi nghiệp...; dư nợ tín dụng ước đạt 74.294 tỷ đồng, tăng 81,9% so với năm 2020. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; củng cố, phát triển mạng lưới, đa dạng hóa dịch vụ khách hàng, cải cách hành chính; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt⁹. Thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội, đến nay, nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội được đầu tư đến 100% các thôn, bản.

1.8. Quan tâm thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các kế hoạch của Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Chú trọng hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; bảo hộ, xác lập quyền

⁹ Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 09 ngân hàng thương mại, Ngân hàng Chính sách xã hội, 10 Quỹ tín dụng nhân dân với tổng số 15 chi nhánh ngân hàng cấp 1, 18 chi nhánh ngân hàng cấp 2. Về hệ thống máy giao dịch và thiết bị chấp nhận thanh toán gồm có 01 ngân hàng số, 153 máy giao dịch tự động, khoảng 800 máy POS/mPOS, trên 120.000 QR Pay, QR code, VietQR đang hoạt động.

sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm chủ lực, đặc thù, có thế mạnh của tỉnh. Công tác chuyển đổi số bước đầu đạt được kết quả tích cực, bảo đảm đồng bộ và toàn diện trên các trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Số lượng giao dịch giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử ngày càng tăng. Tích cực tuyên truyền người dân sử dụng chữ ký số công cộng. 100% xã trên địa bàn tỉnh đã thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng. Triển khai thực hiện có hiệu quả "Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030"; phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số. Trong lĩnh vực y tế, 100% bệnh viện sử dụng thẻ căn cước công dân thay thế thẻ BHYT trong khám chữa bệnh. Triển khai nâng cấp, hoàn thiện chức năng thanh toán phí, lệ phí thủ tục hành chính trên cổng dịch vụ công của tỉnh. Giải quyết 100% yêu cầu tạo lập danh tính điện tử cho công dân, tạo điều kiện để công dân sử dụng định danh điện tử trong các giao dịch hành chính theo quy định.

Tổ chức thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, giá trị gia tăng cao gắn với xây dựng nông thôn mới¹⁰. Đẩy mạnh quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, góp phần tạo dựng uy tín, quảng bá thương hiệu, nâng cao sức cạnh tranh các sản phẩm của tỉnh; toàn tỉnh hiện có 652 sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, trong đó có: 12 chỉ dẫn địa lý, 18 nhãn hiệu chứng nhận, 142 nhãn hiệu tập thể, hơn 480 nhãn hiệu thông thường...

1.9. Quản lý, sử dụng tài nguyên; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai được tăng cường

Các nguồn tài nguyên được quản lý chặt chẽ, hiệu quả đảm bảo theo các quy định của pháp luật và theo nguyên tắc thị trường, qua đó tiếp tục phát huy được vai trò, tạo nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất huyện, thành phố giai đoạn 2021-2030. Việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp để thực hiện các dự án được thực hiện chặt chẽ, công khai, minh bạch, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Công

¹⁰ Trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, các dự án nổi bật bao gồm nghiên cứu và phát triển 100.000 cây giống được liệu, bảo tồn phát triển cây thuốc quý hiếm và khảo sát, tuyển chọn 100 cây chè Shan tuyết cổ thụ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học, bảo tồn và phát triển nguồn Gen của tỉnh đối với các giống Lợn đen, Gà đen, Gà chân xanh, Dược liệu quý hiếm, giống lúa gạo. Triển khai các dự án nghiên cứu khoa học trong y dược và bảo vệ môi trường góp phần vào phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được tập trung thực hiện, đáp ứng nhu cầu của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Tổ chức cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước sông nội tỉnh, triển khai mô hình về xây dựng Quy ước bảo vệ môi trường và hướng dẫn phân loại, thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn tại nguồn trên địa bàn xã. Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản, đất đai.

Thực hiện tốt các giải pháp bảo vệ môi trường, trọng tâm là phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm; tăng cường quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và chống rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh. Chủ động triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, thực hiện tốt công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai. Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Thành lập lực lượng xung kích cấp xã, thôn để thực hiện phòng chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”.

2. Lĩnh vực văn hoá - xã hội

2.1. Giáo dục và đào tạo tiếp tục được đổi mới và nâng cao chất lượng, đạt nhiều kết quả quan trọng

Tập trung triển khai hiệu quả việc đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm 2018. Mạng lưới trường, lớp học tiếp tục được củng cố, sắp xếp tinh gọn, chuyển học sinh tiểu học từ các điểm trường về học tại trường chính; thành lập Trường Phổ thông Dân tộc nội trú trung học cơ sở và trung học phổ thông; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư. Tỷ lệ phòng học kiên cố các bậc học đạt 70,72% (mầm non 52,2%, tiểu học 67,07%, THCS 93,65%, THPT 99,16%). Việc xây dựng trường chuẩn quốc gia¹¹ và hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú được quan tâm. Nhiệm vụ các năm học ở các cấp học hoàn thành theo đúng kế hoạch; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học được đẩy mạnh. Tổ chức thành công các kỳ thi, cuộc thi cho giáo viên và học sinh, góp phần bồi dưỡng, nâng cao chất lượng dạy và học. Kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia các năm được tổ chức an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế; tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT tăng dần¹². Chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn có chuyển biến tích cực và đạt được một số thành tích nổi bật; học sinh giỏi quốc gia tăng cả về số lượng và chất lượng. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục

¹¹ Ước đến hết năm 2025, tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học như sau: Mầm non 64,4%; Tiểu học 74,6%; Trung học cơ sở 61,5%; Trung học phổ thông 46,7%.

¹² - Tỉnh Tuyên Quang: Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt 99,62%, tăng 1,51% so với năm 2020.
- Tỉnh Hà Giang: Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt 97,55%, tăng 9,45% so với năm 2020.

được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho học sinh và giáo viên theo quy định.

Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được chú trọng; đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục. Quy mô, chất lượng đào tạo của Trường Đại học Tân Trào và phân hiệu Đại học Thái Nguyên được nâng lên, phục vụ tốt nhu cầu đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của địa phương và các tỉnh trong khu vực. Công tác giáo dục nghề nghiệp có chuyển biến tích cực; các ngành nghề đào tạo từng bước được mở rộng và nâng cao hiệu quả. Đẩy mạnh các giải pháp tạo việc làm cho người lao động; thu hút đầu tư tạo việc làm tại chỗ cho người dân và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đạt kết quả tích cực.

Tiếp tục đổi mới phương thức tuyển sinh, nâng cao hiệu quả đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp; duy trì và phát triển các hình thức hợp tác giữa các doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo từng bước được đầu tư; toàn tỉnh hiện có 24 cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp (20 cơ sở công lập và 04 cơ sở ngoài công lập)¹³. Quan tâm nâng cao chất lượng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp. Trong 5 năm, đã tổ chức tuyển sinh, đào tạo nghề cho 99.090 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đến hết năm 2025 đạt 66,5%, trong đó: tỉ lệ qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 26%.

Công tác tuyên truyền, tư vấn giới thiệu việc làm và kết nối doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh, kết nối cung cầu lao động được đẩy mạnh, giúp người lao động gia tăng cơ hội tìm kiếm việc làm. Bên cạnh đó, đã chú trọng công tác tuyên truyền thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; góp phần gia tăng tỷ lệ người dân được đảm bảo chính sách an sinh xã hội. Ước đến năm 2025, tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đạt 29,3%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 4,47%; tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 27,43%.

2.2. Phát triển văn hóa, xã hội và con người có nhiều chuyển biến tích cực

Quan tâm chỉ đạo, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người phát triển toàn diện. Nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của văn hóa đối với sự phát triển bền vững được nâng lên. Công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa lịch sử, văn hoá truyền thống được tăng cường, nhiều di sản văn hoá được lập hồ sơ xếp hạng; các giá trị văn hóa được phát huy, lan tỏa mạnh mẽ, góp phần tích cực xây dựng con người Tuyên Quang ngày càng phát triển, tạo môi trường văn hóa lành mạnh, phù hợp với

¹³ Trong đó có 02 trường cao đẳng, 03 trường trung cấp, 03 trung tâm giáo dục nghề nghiệp; 16 trung tâm giáo dục thường xuyên có tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

sự phát triển chung của đất nước trong giai đoạn mới¹⁴. Các thiết chế văn hóa ở cơ sở tiếp tục được quan tâm đầu tư. Tỷ lệ thôn, tổ dân phố được công nhận làng văn hoá năm 2025 ước đạt 83,75%. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa ước đạt 83,2%. Hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, văn nghệ quần chúng được đổi mới và nâng cao chất lượng. Phong trào thể thao trong quần chúng phát triển mạnh mẽ, nhiều môn thể thao thể mạnh được đầu tư, đạt nhiều thành tích cao. Văn học, nghệ thuật có nhiều đổi mới, phát triển, đa dạng về đề tài, nội dung, loại hình. Các cơ quan báo chí chủ động đổi mới, sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác tuyên truyền, góp phần giữ vững ổn định chính trị và quảng bá tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

2.3. Quan tâm chăm lo, thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Chủ động thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, nhất là trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Mạng lưới y tế công lập được sắp xếp tinh gọn, hiệu quả. Các cơ sở y tế được quan tâm đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị; đảm bảo thuốc, vật tư y tế; y đức và trình độ chuyên môn của đội ngũ y, bác sỹ được nâng cao. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, hợp tác với các bệnh viện lớn tuyến Trung ương trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ y tế, chuyển giao kỹ thuật và triển khai các dịch vụ kỹ thuật mới, hiện đại trong khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế. Công tác xã hội hóa y tế được chú trọng; y tế ngoài công lập phát triển, đóng góp tích cực vào sự nghiệp chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Thực hiện tốt công tác tiêm vắc xin phòng bệnh cho trẻ em dưới 01 tuổi. Bảo hiểm y tế toàn dân tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế của 2 tỉnh đạt cao¹⁵. Công tác vệ sinh môi trường,

¹⁴ - Tỉnh Tuyên Quang: 18 di tích được xếp hạng di tích cấp tỉnh, 03 di tích được xếp hạng di tích quốc gia, 09 di tích được bổ sung vào Danh mục di tích toàn tỉnh; có 08 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

- Tỉnh Hà Giang: có 32 di sản được ghi danh vào danh mục di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại và quốc gia.

¹⁵ **Tỉnh Tuyên Quang:** Toàn tỉnh có 10 bác sỹ, 44 giường bệnh/10.000 người dân. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ các loại vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng đạt 95%. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) giảm xuống còn 19,7%. Tuổi thọ trung bình của người dân đạt 73 tuổi. **Tỉnh Hà Giang:** Toàn tỉnh có 10,17 bác sỹ, 45,7 giường bệnh/10.000 người dân. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ các loại vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng đạt 75%. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 97,25%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) giảm xuống còn 30%. Tuổi thọ trung bình của người dân đạt 71,5 tuổi.

bảo đảm an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên, không để xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm đông người.

2.4. Công tác đảm bảo an sinh xã hội được chú trọng, giảm nghèo bền vững được quan tâm thực hiện. thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; giảm nghèo bền vững. Các chính sách và biện pháp giảm nghèo được triển khai đồng bộ, có hiệu quả trên tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm nhanh; số người tham gia bảo hiểm xã hội ngày càng tăng. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo, chính sách đối với người có công,... tính đến tháng 8/2025, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị, đẩy mạnh xã hội hóa, hoàn thành các chương trình, đề án xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn 2 tỉnh. Quan tâm sắp xếp, bố trí ổn định dân cư đối với các hộ bị ảnh hưởng do lũ quét, sạt lở đất, các hộ cư trú phân tán nơi vùng sâu, vùng xa, có nguy cơ sạt lở cao; kịp thời giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất và triển khai các dự án cấp nước sinh hoạt, nước sản xuất cho người dân vùng sâu, vùng xa, vùng cao nguyên đá. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên¹⁶.

Quan tâm triển khai các chương trình, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số đảm bảo đúng kế hoạch, hiệu quả. Bố trí hơn 30 tỷ đồng để thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho 16.970 lượt người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số¹⁷ như: cấp phát ấn phẩm báo địa phương (01 tờ/người/kỳ); cấp phát sổ tay (01 quyển/người); hàng năm tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức; thăm hỏi, tặng quà nhân dịp lễ, Tết; tổ chức Hội nghị biểu dương (định kỳ 2 năm/lần); tổ chức các đoàn Người có uy tín đi thăm quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh, khen thưởng, động viên kịp thời đối với người có uy tín đạt thành tích xuất sắc trong các lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh - quốc phòng ở địa phương...

¹⁶ **Tỉnh Tuyên Quang:** Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 23,45% (năm 2021) xuống còn khoảng 7,38% (năm 2025). Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh đã hỗ trợ xóa nhà ở tạm, dột nát cho 13.995 hộ, với tổng kinh phí trên 1.255 tỷ đồng. **Tỉnh Hà Giang:** Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 giảm bình quân 5,87%/năm, giảm 42.365 hộ nghèo so với năm 2022, ước cuối năm 2025 tỷ lệ hộ nghèo còn 31,65%. Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh đã hỗ trợ xóa nhà ở tạm, dột nát cho trên 26.000 hộ nghèo, cận nghèo... Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội tại tỉnh Tuyên Quang là 37,97% so với lực lượng lao động trong độ tuổi"... "Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội tại tỉnh Hà Giang là 26,03%) so với lực lượng lao động trong độ tuổi.

¹⁷ Năm 2021 là 3.905 lượt người; năm 2022 là 3.100 lượt người; năm 2023 là 3.124 lượt người; năm 2024 là 3.406 lượt người; năm 2025 là 3.435 lượt người.

Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo được thực hiện tốt, luôn tạo điều kiện, vận động để các tổ chức tôn giáo thực hiện tốt vai trò dẫn dắt các tín đồ hành đạo, khơi dậy và phát huy những mặt tích cực trong hoạt động, sinh hoạt của các tôn giáo hợp pháp. Đồng thời, luôn cảnh giác đấu tranh, ngăn chặn các tổ chức, cá nhân lợi dụng tôn giáo để gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chủ trương, kiến thức cho các chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo, các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nhằm vận động nhân dân tham gia giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

3. Công tác nội vụ, tư pháp có nhiều đổi mới

Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và đơn vị hành chính bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức được quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở. Trọng tâm là, hoàn thành hợp nhất đơn vị hành chính tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang; sáp nhập, giảm 206 đơn vị hành chính cấp xã, kết thúc hoạt động 18 đơn vị hành chính cấp huyện; bám sát các quy định, hướng dẫn của Trung ương triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp từ ngày 01/7/2025 đảm bảo đúng lộ trình đề ra, đảm bảo các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức hoạt động liên tục, thống suốt, không để gián đoạn công việc, bỏ trống nhiệm vụ, địa bàn, lĩnh vực và ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và xã hội, người dân trước, trong và sau sắp xếp. Qua sắp xếp, tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị của tỉnh được đổi mới, tinh gọn hơn, giảm nhiều cơ quan, đơn vị và đầu mối bên trong; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức sau sắp xếp bước đầu được nâng lên, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Đẩy mạnh triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số SIPAS, PAR INDEX, PAPI, đạt được nhiều kết quả tích cực¹⁸. Công tác cải cách thủ tục hành chính được thực hiện đồng bộ, hiệu quả; nhiều thủ tục hành chính đã được đơn giản hóa, rút ngắn thời gian xử lý; việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ cao vượt chỉ tiêu do Chính phủ, tỉnh giao. Thực hiện nghiêm túc, kịp thời việc rà soát, công bố, công khai TTHC và thực hiện tái cấu trúc, chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

¹⁸ - Tỉnh Tuyên Quang: Năm 2024, chỉ số cải cách hành chính (PARINDEX) tỉnh Tuyên Quang đạt 88,07%; tăng 1,5 điểm % so với năm 2020; chỉ số PAPI đạt 42,54 điểm, giảm 1,86 điểm so với năm 2020; chỉ số SIPAS đạt 85%, tăng 1,19 điểm so với năm 2020.

- Tỉnh Hà Giang: Tính đến năm 2024, chỉ số PAR INDEX đạt 88,48%, tăng 4,61 điểm % so với năm 2020; chỉ số PAPI đạt 43,729 điểm, tăng 1,053 điểm so với năm 2020; chỉ số SIPAS đạt 84,16, giảm 3,44 điểm so với năm 2020.

Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện đúng quy trình theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản đều được lấy ý kiến của đối tượng tác động thông qua các hình thức: Bảng văn bản, hội nghị tư vấn, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, các Trang thông tin điện tử của cơ quan soạn thảo¹⁹. Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên, kịp thời phát hiện và kiến nghị loại bỏ các quy định, thủ tục không phù hợp. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tiếp tục đổi mới, bám sát yêu cầu đời sống thực tiễn, lấy người dân là trung tâm và coi công tác phổ biến giáo dục pháp luật là giải pháp thúc đẩy việc đưa pháp luật vào cuộc sống.

4. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng được triển khai hiệu quả

Công tác thanh tra được thực hiện hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần phát hiện và xử lý nhiều sai phạm trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước. Đồng thời kết quả thanh tra đã cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng để rà soát, sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo có nhiều chuyển biến tích cực, đi vào nền nếp. Trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương được thực hiện nghiêm túc. Các khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, hướng dẫn, giải quyết kịp thời, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của công dân²⁰. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được triển khai đồng bộ, hiệu quả, nhất là việc công khai, minh bạch về cơ chế, chính sách, hoạt động của bộ máy nhà nước, cải cách hành chính, quản lý, sử dụng tài sản công... Việc kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn được chú trọng, từng bước ngăn chặn các hành vi tham nhũng tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương phát triển.

¹⁹ - Tỉnh Tuyên Quang: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 85 nghị quyết; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 133 quyết định quy phạm pháp luật.

- Tỉnh Hà Giang: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 94 nghị quyết; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 189 quyết định quy phạm pháp luật.

²⁰ - Tỉnh Tuyên Quang: Triển khai 4.280 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 8.486 tổ chức, cá nhân. Tiếp 15.657 lượt công dân với 13.583 vụ việc. Tiếp nhận 21.818 đơn gồm 19.210 đơn đủ điều kiện xử lý.

- Tỉnh Hà Giang: Tổ chức 485 cuộc thanh tra hành chính tại 887 đơn vị; 1.134 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với 3.327 tổ chức và 9.083 cá nhân; 63 cuộc thanh tra trách nhiệm. Tiếp 5.720 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị; tiếp nhận 5.297 đơn đủ điều kiện xử lý (168 đơn khiếu nại, 143 đơn tố cáo, 4.986 đơn kiến nghị, phản ánh)

5. Quốc phòng, an ninh được tăng cường; trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; hoạt động đối ngoại được củng cố, mở rộng

Quốc phòng, an ninh được tăng cường. Tập trung củng cố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân, thể trận lòng dân vững chắc; huy động, bố trí tối đa nguồn lực, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn dân đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Tăng cường công tác kiểm soát, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, xây dựng biên giới “hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển”. Lực lượng vũ trang tỉnh được xây dựng theo hướng “tinh, gọn, mạnh”, chất lượng tổng hợp, trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu được nâng lên, đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác tuyển quân, huấn luyện, diễn tập hằng năm đảm bảo chỉ tiêu, chất lượng. Thực hiện tốt các chính sách hậu phương Quân đội.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo vững chắc. Chủ động dự báo, nắm chắc tình hình, kịp thời ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả các âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch và những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, ngay từ cơ sở; hoàn thành mục tiêu xóa bỏ “tổ chức bất hợp pháp Dương Văn Minh” và xóa bỏ các loại “tà đạo”, “đạo lạ” trên địa bàn. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật được tập trung triển khai đồng bộ. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự trên các lĩnh vực được tăng cường; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có nhiều đổi mới, đạt được nhiều kết quả tích cực, nổi bật, được ghi nhận, đánh giá cao, trở thành “điểm sáng” về an ninh, trật tự. Triển khai đồng bộ các chủ trương về kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy trong lực lượng vũ trang, trọng tâm là xây dựng, củng cố vững chắc lực lượng Công an cấp xã và lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, phát huy vai trò, hiệu quả trong thực tiễn.

Hoạt động đối ngoại tiếp tục được củng cố và mở rộng. Các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế gắn với xúc tiến đầu tư đạt được kết quả tích cực; quan hệ hợp tác với các đối tác truyền thống được củng cố, tăng cường; mở rộng hợp tác với các đối tác mới, tiềm năng. Ngoại giao láng giềng, ngoại giao văn hóa, đối ngoại Nhân dân được chú trọng, góp phần thu hút các nguồn lực nước ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và lan tỏa các giá trị văn hóa, vẻ đẹp, tiềm năng, lợi thế phát triển của tỉnh Tuyên Quang, tỉnh Hà Giang đến bạn bè quốc tế.

III- TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

1.1. Lĩnh vực kinh tế

Tuy hầu hết các chỉ tiêu về kinh tế cơ bản đảm bảo đạt và vượt lộ trình Nghị quyết Đại hội đề ra nhưng trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một số chỉ tiêu kết quả đạt được chưa bền vững; trong đó, có chỉ tiêu chưa đạt²¹.

Việc xây dựng các kế hoạch về phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công, phát triển ngành, lĩnh vực là một khâu yếu; phân bổ vốn đầu tư công còn dàn trải; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công chưa thực sự hiệu quả. Thực hiện ba khâu đột phá có mặt còn hạn chế, chưa thực sự tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của 2 tỉnh. Trong đó, sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa chưa có sự bứt phá rõ nét; giá trị gia tăng của sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản chưa cao; việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm còn hạn chế; chưa hình thành được vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Việc duy trì các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới chưa bền vững. Chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch có mặt còn hạn chế, hạ tầng du lịch chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng của du khách.

Môi trường đầu tư kinh doanh có mặt còn hạn chế; chưa thu hút được nhiều dự án có công nghệ hiện đại, giá trị gia tăng cao, nhất là các dự án quy mô lớn, công nghệ cao; việc ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số còn chậm so với yêu cầu, nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu hụt, công tác đào tạo chưa gắn chặt với nhu cầu của doanh nghiệp; thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu vẫn còn lớn; khu kinh tế, khu công nghiệp và một số cụm công nghiệp hoạt động chưa hiệu quả. Quy mô thu ngân sách còn nhỏ, chưa bền vững. Kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu. Việc quản lý, sử dụng nguồn lực về đất đai, khoáng sản có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, hiệu quả. Cải cách thủ tục hành chính có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu; chuyển đổi số có mặt còn hạn chế.

1.2. Phát triển văn hóa - xã hội

Hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cấp tỉnh, cấp xã còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở đạt kết quả chưa cao; cơ sở vật chất dành cho giáo dục, đào tạo còn thiếu và chưa đồng bộ; việc gắn kết trong đào tạo giữa cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp với các đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động và người sử dụng lao động còn có bất cập. Năng lực và chất lượng khám, chữa bệnh, cơ sở vật chất của một số cơ sở y tế chưa đáp ứng yêu cầu. Chất lượng nguồn nhân lực có mặt còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là lao động có tay nghề kỹ thuật cao.

1.3. Lĩnh vực nội vụ, thanh tra, tư pháp, quốc phòng, an ninh, đối ngoại

²¹ **Tỉnh Hà Giang:** Gồm: (1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm bình quân; (2) Thu nhập bình quân đầu người; (3) Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn.

Công tác kiểm tra, đôn đốc, nắm tình hình cơ sở, giải quyết những khó khăn, vướng mắc, những phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp có lúc chưa kịp thời, hiệu quả.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật có lúc, có nơi còn hình thức, hiệu quả chưa cao. Công tác giải quyết đơn, thư có việc còn chậm, chưa dứt điểm; một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực hiện nghiêm túc công tác tiếp công dân, chưa chủ động giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

Chất lượng huấn luyện dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên có nội dung còn hạn chế. Tình hình an ninh, trật tự tại một số địa bàn còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp; công tác nắm tình hình, quản lý địa bàn, giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh ở cơ sở có lúc, có việc, có nơi chưa toàn diện, kịp thời.

Các hoạt động đối ngoại gắn với xúc tiến đầu tư có việc chưa hiệu quả; quan hệ hợp tác về kinh tế với các đối tác nước ngoài chưa tương xứng với tiềm năng.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan: Tình hình thế giới, trong nước với những biến động nhanh chóng, khó lường, có yếu tố chưa có tiền lệ: Diễn biến phức tạp, kéo dài của đại dịch Covid-19; những mâu thuẫn phát sinh trong quan hệ quốc tế, xung đột vũ trang, biến đổi khí hậu, thời tiết, thiên tai đã gây ra những thiệt hại nặng nề, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của Nhân dân. Tuyên Quang và Hà Giang đều là những tỉnh khó khăn của cả nước, đời sống của Nhân dân còn gặp nhiều khó khăn; quy mô kinh tế của 2 tỉnh còn nhỏ, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ. Một số văn bản quy phạm pháp luật chưa đồng bộ, thống nhất, gây khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành.

- Nguyên nhân chủ quan: Đó là do năng lực cụ thể hóa, triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của cấp trên vào thực tiễn của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn chậm, hiệu quả còn thấp. Chất lượng công tác phân tích, đánh giá, dự báo và khả năng thích ứng, điều chỉnh các giải pháp khi phát sinh những vấn đề mới, khó khăn, thách thức có việc chưa kịp thời, hiệu quả. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu chưa chủ động, sâu sát, sáng tạo, linh hoạt. Công tác đánh giá cán bộ có lúc, có nơi chưa phản ánh đúng kết quả, sản phẩm của cán bộ, đảng viên. Kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc chưa nghiêm. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý còn dùn dẩy, né tránh, thận trọng quá mức, không thực hiện đúng, đầy đủ, quyết liệt chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, nhất là trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu. Tinh thần trách nhiệm, năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu. Việc

phân cấp, uỷ quyền có việc còn chậm, chưa đồng bộ, triệt để. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành có lúc, có việc chưa chặt chẽ, hiệu quả; một số vướng mắc chưa được giải quyết kịp thời, dứt điểm, nhất là các thủ tục hành chính về đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường,...

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung

Trong nhiệm kỳ 2020-2025, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng với tinh thần đoàn kết, thống nhất cao của cả hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân, tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang đã được những kết quả, thành tựu quan trọng, khá toàn diện với nhiều dấu ấn nổi bật; đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu chủ yếu về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2020-2025 mà Nghị quyết Đại hội 2 tỉnh đề ra.

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng và có nhiều khởi sắc; các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu đề ra về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đồng bộ, hiệu quả, đúng lộ trình; trong đó, khâu đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông của 2 tỉnh đạt được những kết quả quan trọng, từng bước tháo gỡ “điểm nghẽn” về hạ tầng, tạo động lực tăng trưởng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tiềm năng, lợi thế về phát triển nông, lâm nghiệp, du lịch được phát huy. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, con người được quan tâm, chăm lo đầu tư phát triển. Tổ chức bộ máy và các đơn vị hành chính được sắp xếp, đổi mới theo hướng tinh, gọn, mạnh, bước đầu phát huy hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả trong thực tiễn. Quốc phòng được tăng cường, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; một số vấn đề tiềm ẩn yếu tố phức tạp về an ninh dân tộc, an ninh tôn giáo tồn tại qua nhiều năm được tập trung chỉ đạo quyết liệt, xử lý dứt điểm, hiệu quả; các hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh. Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời; công tác giảm nghèo, thực hiện chính sách với người có công được triển khai tích cực. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng lên.

2. Bài học kinh nghiệm

Một là, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trọng tâm là các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội 2 tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình, bước đi phù hợp.

Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tận dụng mọi thời cơ, thuận lợi; huy động, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Ba là, gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó tiếp tục coi trọng yếu tố phát triển bền vững; cùng với phát triển kinh tế phải thường xuyên quan tâm, chăm lo phát triển văn hóa, con người, các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường và tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Bốn là, quán triệt sâu sắc và thực hiện hiệu quả quan điểm “Dân là gốc”, “Dân là trung tâm”; mọi chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phải phù hợp với mong muốn, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, vì Nhân dân.

Phần thứ hai **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN** **KINH TẾ - XÃ HỘI NHIỆM KỲ 2025-2030**

A- DỰ BÁO BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

Những năm tới, dự báo tình hình thế giới và khu vực tiếp tục chuyển biến nhanh, phức tạp, gây trở ngại cho xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển; các quốc gia chuyển dịch sang các mô hình tăng trưởng mới, theo hướng bền vững, bao trùm và nâng cao năng lực chống chịu, song cũng tạo ra nhiều rủi ro, nhất là nguy cơ tụt hậu đối với các nước đang phát triển. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, kinh tế tuần hoàn,... vừa tạo thời cơ phát triển, vừa đặt ra thách thức lớn. Ở trong nước, sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được nâng lên. Cuộc cách mạng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; phát triển kinh tế tư nhân; hội nhập quốc tế là những trụ cột quan trọng cho sự phát triển mạnh mẽ đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Tuy nhiên, đất nước ta sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, có những mặt gay gắt, nặng nề hơn: Phát triển kinh tế - xã hội chưa bền vững; nhiều điểm nghẽn, nút thắt chưa được tháo gỡ, giải quyết triệt để; sức chống chịu và năng lực tự chủ chiến lược của nền kinh tế còn yếu. Xu hướng già hoá dân số tăng nhanh; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng gay gắt, phức tạp; bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ còn nhiều thách thức. Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra còn tồn tại, có mặt dần được khắc phục, song

có mặt còn diễn biến phức tạp hơn. Các thế lực thù địch, phản động tiếp tục thực hiện các âm mưu, hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ ta.

Đối với tỉnh Tuyên Quang, những thành tựu đạt được trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, công tác đối ngoại; truyền thống quê hương cách mạng, bản sắc văn hóa phong phú, đặc sắc, sức mạnh đại đoàn kết, thống nhất trong Đảng, hệ thống chính trị và Nhân dân các dân tộc là những nền tảng thuận lợi cho sự phát triển, đột phá vươn lên của tỉnh trong thời gian tới. Người dân có truyền thống cần cù, chịu khó, ý thức tự lực, tự cường, vượt khó vươn lên phát triển kinh tế trong điều kiện tự nhiên khắc nghiệt. Việc hợp nhất tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang mở ra không gian phát triển mới, tăng cường kết nối vùng, hình thành tư duy, tầm nhìn, các động lực, cực tăng trưởng, hành lang phát triển mới. Là tỉnh vùng cao biên giới, có vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh và đối ngoại; là địa bàn sát thị trường vô cùng tiềm năng của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới là Trung Quốc, tỉnh Tuyên Quang đứng trước cơ hội lịch sử phát huy những tiềm năng, lợi thế đặc sắc, tương đồng của tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước đây để đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, tối ưu hóa nguồn lực, tạo dựng những bước ngoặt mới, vận hội mới. Tuy nhiên, quy mô nền kinh tế, thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn còn nhỏ, chưa bền vững; hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ; nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng được yêu cầu. Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp. Việc vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, không tổ chức cấp huyện thời gian đầu sẽ có những khó khăn, lúng túng nhất định. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn hạn chế. An ninh, trật tự tại một số địa bàn, lĩnh vực còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Đời sống của một bộ phận Nhân dân còn gặp khó khăn, còn có sự chênh lệch phát triển nội vùng trong tỉnh,...

B- MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

I- MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Giữ vững sự đoàn kết, thống nhất; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tăng cường quốc phòng, an ninh; phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, động lực và không gian phát triển mới; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện và nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân; phấn đấu đến năm 2030 là tỉnh phát triển khá, toàn diện, bền vững, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045 là tỉnh phát triển, thu nhập cao trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; tự cường, tự tin trong kỷ nguyên mới, phát triển phồn vinh, hạnh phúc.

II- CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2030

1. Nhóm chỉ tiêu về kinh tế

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) (*giá hiện hành*) đạt 170.000 tỷ đồng.

(2) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) (giá so sánh 2010) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 10,5%/năm.

(3) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người đến năm 2030 (giá hiện hành) đạt 95 triệu đồng/người.

(4) Tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 20% GRDP.

(5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phân đầu đạt 12.000 tỷ đồng.

(6) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên 75.000 tỷ đồng.

(7) Năng suất lao động đạt trên 213 triệu đồng/lao động.

(8) Thu hút 06 triệu lượt khách du lịch.

2. Nhóm chỉ tiêu về xã hội

(1) Dân số trung bình đạt 1.859 nghìn người.

(2) Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt 74 tuổi.

(3) Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,72.

(4) Số lao động có việc làm trong nền kinh tế đạt 797 nghìn người.

(5) Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế đạt 61,69%.

(6) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 72%; Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 30%.

(7) Tỷ lệ thất nghiệp đạt 2,15%.

(8) 11 bác sĩ trên 1 vạn dân.

(9) 44 giường bệnh trên 1 vạn dân.

(10) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số đạt 98%.

(11) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (Chiều cao theo tuổi) đạt 22%.

(12) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí quốc gia y tế xã đạt 100%

(13) Thời gian sống khỏe tối thiểu là 68 tuổi.

(14) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học: Mầm non 73%, phổ thông 80% trở lên.

(15) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia giảm bình quân 3-4%/năm

(16) Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng đạt 4.912 nghìn đồng

(17) Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa đạt 90%.

(18) Tỷ lệ số thôn, tổ dân số đạt danh hiệu văn hóa đạt 85%.

(19) Tỷ lệ xã, phường có thiết chế văn hóa - thể thao phù hợp, được quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả đạt 100%.

(20) Tỷ lệ thôn, tổ dân phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao phục vụ sinh hoạt cộng đồng và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao quần chúng đạt 100%.

3. Nhóm chỉ tiêu về môi trường

(1) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 62,2%.

(2) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95,0%.

(3) 100% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

III- CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Khẩn trương hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời các nút thắt, điểm nghẽn, bảo đảm đồng bộ, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế. Tập trung chỉ đạo tổ chức lập và triển khai thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang và các quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực. Đẩy mạnh phát triển các ngành sản xuất nông, lâm nghiệp; sản xuất công nghiệp và các ngành dịch vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất mới; đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân, xây dựng các mô hình tăng trưởng mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế của tỉnh và được xác định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương. Tập trung phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, xây dựng xã hội số. Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường.

2. Tiếp tục khai thác tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Phát triển kinh tế di sản, liên kết di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử cách mạng. Xây dựng và phát triển công nghiệp văn hoá mang đậm bản sắc văn hóa các dân tộc. Phát huy tiềm năng kinh tế cửa khẩu. Khẳng định vị thế, duy trì và phát triển thương hiệu du lịch, không ngừng nâng cao uy tín của ngành kinh tế du lịch.

3. Xây dựng, phát triển văn hóa, con người Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện, bền vững. Tập trung đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo, làm chuyển biến căn bản, vượt bậc về chất lượng, tạo nền tảng vững chắc để nâng cao chất lượng

nguồn nhân lực. Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho Nhân dân. Tăng tỷ lệ lao động chất lượng cao trong cơ cấu lao động; có cơ chế đột phá để đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài. Tiếp tục thực hiện xóa bỏ hủ tục lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của Nhân dân.

4. Tập trung thực hiện tốt các chủ trương về hoàn thiện tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

5. củng cố vững chắc quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; chủ động, tích cực mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, xây dựng đường biên giới "hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển".

IV- CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Đột phá mạnh mẽ về xây dựng thể chế theo thẩm quyền để thúc đẩy phát triển kinh tế và nâng cao năng lực quản trị của chính quyền địa phương 2 cấp; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

2. Tiếp tục đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông; hạ tầng công nghệ; hạ tầng đô thị; hạ tầng khu, cụm công nghiệp.

3. Phát triển toàn diện nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đáp ứng yêu cầu phát triển. Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, giảm nghèo bền vững.

V- GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NHIỆM KỲ 2025 - 2030

1. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, huy động mọi nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế

1.1. Tiếp tục tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại và kết nối; trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng số, hạ tầng du lịch

Tổ chức không gian phát triển phù hợp với đơn vị hành chính mới, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; tập trung chỉ đạo tổ chức lập và triển khai thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang và các quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực gắn với phát triển kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, bản sắc và bền vững

trên cơ sở phát huy tối đa, hiệu quả nội lực, lợi thế vùng, sự hỗ trợ của Trung ương và thu hút các nguồn lực khác; phát triển dựa trên 05 trụ cột: (i) Hạ tầng giao thông; (ii) Du lịch bản sắc với đa dạng các loại hình dịch vụ chất lượng cao, xây dựng thương hiệu du lịch Tuyên Quang là điểm đến an toàn, hấp dẫn, đặc sắc, bền vững; (iii) Chuỗi nông sản, đặc sản có thương hiệu; (iv) Kinh tế cửa khẩu, thương mại biên giới; (v) Tăng cường hợp tác, liên kết phát triển kinh tế với các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng, với tỉnh Vân Nam và Quảng Tây, Trung Quốc.

Tiếp tục thực hiện huy động và lồng ghép các nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ xây dựng, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng công trình, dự án quan trọng của tỉnh, trọng tâm là: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (*giai đoạn 1*); tập trung hoàn thiện giai đoạn 2 Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang tới cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy; thúc đẩy đầu tư tuyến nối đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai với Hà Giang (CT.12) và các công trình, dự án trọng điểm, kết nối liên vùng, có tính đột phá, phạm vi ảnh hưởng rộng đến kinh tế - xã hội, phát huy được tiềm năng, lợi thế các vùng, khu vực có tiềm năng²²; đầu tư phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, bền vững, hiệu quả và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tiếp tục phát triển giao thông nông thôn, cải thiện về quy mô các tuyến đường nông thôn để kết nối trung tâm các xã, phường tới các thôn, bản, các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp với các thị trường tiêu thụ lớn hơn. Thu hút đầu tư các trạm dừng nghỉ trên đường cao tốc, đường quốc lộ theo quy hoạch; các Bến xe khách, bãi đỗ xe tại trung tâm các đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch trong tỉnh, các điểm dừng đón trả khách dọc các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, hướng tới xu hướng phát triển hạ tầng giao thông xanh, bền vững.

²² Đường từ phường Bình Thuận đi Phú Lương kết nối tới nút giao IC5, IC6 cao tốc Nội Bài - Lào Cai; Đường kết nối liên vùng Phở Yên (Thái Nguyên) - Tuyên Quang - Lào Cai (đoạn từ đèo Khế đến Sơn Dương); Đường từ Hàm Yên (cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang) đến Chiêm Hóa, Na Hang (ĐT.191); đường Lý Thái Tổ; các tuyến đường kết nối với đường cao tốc trên địa bàn tỉnh nhằm phát huy hiệu quả cao tốc;... nghiên cứu xây dựng cầu qua Sông Lô (Cầu Tân Long kết nối Quốc lộ 2C với trung tâm hành chính Yên Sơn và Quốc lộ 2; cầu Minh Xuân, cầu Trường Thi); cầu qua sông Gâm (Cầu kết nối Hoà An (Nhân Lý) - (Bình Nhân) Kim Bình; cầu Bắc Danh - Nà Cóoc, Na Hang; cầu qua sông Phó Đáy (Cầu Sơn Thủy (Sơn Nam), Sơn Dương); Cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ (QL.2C, QL.37, QL.4, QL.34); Cải tạo, mở rộng, cắt cụt nguy hiểm, sửa chữa nâng cấp tuyến QL.4C từ xã Minh Tân đi xã Mèo Vạc và các tuyến đường tỉnh theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B); đường Bắc Quang - Xín Mần (ĐT.177); đường Yên Bình - Cốc Pài (ĐT 178); đường Vĩnh Tuy - Yên Bình (ĐT.183); nâng cấp đường Đồng Văn - Khía Lía (ĐT.182B).

Mở rộng các loại hình nhà ở, ưu tiên phát triển nhà ở xã hội. Tập trung nguồn lực để đầu tư các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội; cải tạo, chỉnh trang và nâng cấp đô thị đảm bảo hài hoà, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên, tăng tỷ lệ cây xanh, hồ sinh thái, trọng tâm là trung tâm các phường, xã.

Đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Phấn đấu 100% thôn, bản có điện, hoàn thành việc phủ sóng di động đối với các thôn trắng sóng, lõm sóng trên địa bàn. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ chuỗi khối trong các lĩnh vực.

1.2. Thực hiện tốt công tác tài chính ngân sách, tín dụng

Triển khai thực hiện đầy đủ, đồng bộ các chính sách pháp luật về thu, chi ngân sách nhà nước. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu, mở rộng cơ sở thu để cơ cấu lại nguồn thu bảo đảm tính bền vững, ổn định. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, tăng chi cho đầu tư phát triển, tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên; nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư công. Định hướng các cơ chế thúc đẩy đầu tư, liên kết vùng, lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư tư, thu hút và đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực xã hội. Đổi mới tư duy phát triển đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực, thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện đảm bảo tính khả thi.

Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các cơ chế, chính sách về tiền tệ, ngân hàng. Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng, ưu tiên vốn đầu tư tham gia thực hiện các khâu đột phá, các đề án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu dân cư và định danh điện tử trong hoạt động ngân hàng để phát triển cho vay điện tử, phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và các dịch vụ ngân hàng hiện đại, tiện ích, an toàn. Thực hiện có hiệu quả tín dụng chính sách xã hội.

1.3. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng theo định hướng kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh và thân thiện với môi trường; thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp kết nối.

Xây dựng, hoàn thiện các công cụ quản lý, chính sách thu hút, phát triển công nghiệp; triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ các dự án công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng hiện đại hóa, phát triển theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị tăng thêm và năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp; công nghiệp phục vụ quốc phòng, an ninh; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp xây dựng hiện đại, công nghệ sản xuất vật liệu mới. Từng bước ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân

tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng của tỉnh. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông, lâm sản gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, hình thành chuỗi giá trị liên kết, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Phân đầu xây dựng tỉnh trở thành trung tâm vùng về công nghiệp chế biến lâm sản, gỗ, giấy và dược liệu, có vị trí trong chuỗi cung ứng ngành gỗ - dược phẩm của cả nước. Khuyến khích đầu tư các nhà máy chế biến gỗ hiện đại, nhà máy chiết xuất dược liệu chuyên sâu để sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm, sản phẩm chăm sóc sức khỏe có giá trị gia tăng cao. Tập trung thu hút đầu tư phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, phù hợp với tiềm năng và điều kiện tự nhiên: điện mặt trời, điện sinh khối, điện mặt trời mái nhà,... Phát triển các loại hình dịch vụ hậu cần gắn với ngành sản xuất công nghiệp (*logistics, bảo trì thiết bị, cung ứng vật tư,...*), tạo nền tảng nâng cao năng suất và giảm chi phí sản xuất. Đảm bảo điều kiện thu hút đầu tư và dịch vụ công nghiệp hỗ trợ sản xuất. Chủ động tháo gỡ khó khăn, rào cản trong giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư, môi trường kinh doanh để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án. Ưu tiên hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật các khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp, tạo điều kiện sẵn sàng thu hút, chấp thuận các nhà đầu tư chiến lược.

1.4. Khai thác tiềm năng, lợi thế, phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh

Xây dựng, phát triển thương hiệu về du lịch theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả, xanh, bền vững, mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống, con người Tuyên Quang, là điểm đến an toàn, hấp dẫn, độc đáo và là một trong các điểm đến đẹp nhất thế giới, điểm đến văn hóa khu vực hàng đầu châu Á. Tập trung hiện đại hóa hạ tầng du lịch tại các khu, điểm du lịch trọng điểm gắn với phát triển các khu vui chơi, giải trí, mua sắm, ẩm thực,...; chú trọng kết nối, thu hút nhà đầu tư để nâng cấp các tuyến đường huyết mạch và hệ sinh thái dịch vụ cao cấp. Xây dựng Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào; Khu di tích quốc gia đặc biệt Kim Bình; Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồi Văn và Danh thắng quốc gia đặc biệt khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang - Lâm Bình trở thành khu du lịch quốc gia; Cột cờ Lũng Cú là sản phẩm du lịch đặc thù chinh phục điểm đến địa đầu Tổ quốc; Mã Pì Lèng, sông Nho Quế trở thành trung tâm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch khám phá, trải nghiệm có thương hiệu và sức cạnh tranh cao.

Tiếp tục duy trì, phát triển các lễ hội đã tạo dựng được thương hiệu. Gắn kết chặt chẽ việc phát triển du lịch với bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên thiên nhiên, di sản văn hóa, lịch sử và bản sắc văn hóa các dân tộc. Phát triển mạnh các

sản phẩm du lịch chủ đạo, có lợi thế của địa phương, như: Du lịch lịch sử - văn hoá; du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng; du lịch văn hóa tín ngưỡng; du lịch cộng đồng; du lịch thể thao mạo hiểm, khám phá,... Nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm du lịch gắn với xây dựng văn hoá trong kinh doanh du lịch, bảo vệ bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc trong tỉnh và bảo vệ môi trường. Phát triển một số ngành công nghiệp văn hoá có thể mạnh gắn với phát triển du lịch, như: Phim trường, trung tâm biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp và diễn xướng dân gian; thu hút đầu tư Trung tâm hội thảo, hội nghị đẳng cấp quốc tế gắn với Công viên trải nghiệm thực tế ảo Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn.

Tăng cường hợp tác, liên kết vùng trong phát triển du lịch. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý và quảng bá, phát triển du lịch; nâng cao chất lượng nhân lực du lịch. Ban hành Đề án phát triển du lịch với các giải pháp đột phá nhằm thu hút lượng lớn khách du lịch, đặc biệt là khách quốc tế, hướng tới các mục tiêu tăng trưởng lượt khách trong giai đoạn tới.

1.5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ

Phát triển các loại hình dịch vụ mới, dịch vụ kết nối có giá trị gia tăng cao, có lợi thế. Phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, logistics,... Đẩy mạnh xã hội hóa để phát triển các dịch vụ văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, y tế, thể thao, dịch vụ, việc làm,... Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng thương mại dịch vụ và các cửa khẩu song phương, lối mở để thu hút đầu tư phát triển kinh tế cửa khẩu; trọng tâm là, xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thành khu kinh tế tổng hợp, thông minh, đa ngành, đa lĩnh vực, có chức năng logistics, trung chuyển, chế biến, xuất nhập khẩu hàng hóa, tài chính - ngân hàng, du lịch, dịch vụ hậu cần và chuỗi cung ứng liên kết với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; từng bước xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng thương mại - dịch vụ tại các cửa khẩu, lối mở, như: cửa khẩu Săm Pun, cửa khẩu Xín Mần, lối mở Lũng Làn, Phó Bảng; xây dựng cửa khẩu số.

Tập trung thu hút đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng thương mại hiện đại, như: trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi tại các đô thị. Phát triển hệ thống phân phối xanh, bền vững, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử, thương mại truyền phát trực tiếp (livestream) và mô hình phân phối số để mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tăng cường xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu sản phẩm hàng hóa của tỉnh gắn với tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng thị trường và khai

thác hiệu quả các thị trường mới, thị trường tiềm năng trong và ngoài nước. Phát triển dịch vụ thương mại thiết yếu, kết nối chuỗi cung ứng và hạ tầng thương mại theo hướng văn minh, hiện đại.

1.6. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa theo chuỗi liên kết, ứng dụng khoa học công nghệ cao, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, hiệu quả, bền vững gắn với nâng cao các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng xanh, sinh thái, tuần hoàn, theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển các vùng sản xuất hàng hóa của tỉnh, giá trị gia tăng cao, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm của địa phương; phát triển các hình thức tổ chức và liên kết sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp và nông thôn; xây dựng các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hiện đại trong nông nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp; phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp bền vững gắn với kinh tế nông nghiệp xanh, nông nghiệp số và mục tiêu xây dựng nông thôn, nông dân giàu có. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp nhanh, hiệu quả, bền vững, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp gắn với hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, kinh tế tuần hoàn. Khai thác và nuôi trồng thủy sản bền vững; nâng cao năng lực sản xuất giống và dịch vụ thủy sản; tập trung ứng dụng sinh sản nhân tạo một số loài cá đặc sản, có giá trị kinh tế cao.

Duy trì phát triển Chương trình “*Mỗi xã một sản phẩm*” đi vào chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển thương hiệu sản phẩm OCOP vươn xa hơn đến thị trường quốc tế; tăng cường giới thiệu quảng bá, kết nối thị trường; ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển sản phẩm nông sản gắn với du lịch nông thôn, bảo tồn giá trị văn hóa bản địa. Phân đấu đến năm 2030, có 01 chỉ dẫn địa lý (*sản phẩm nông, lâm nghiệp*) được bảo hộ ở nước ngoài.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị thu nhập từ rừng; quản lý, duy trì, bảo vệ, nâng cao chất lượng diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên hiện có, phát triển trồng dược liệu dưới tán rừng phòng hộ, rừng kinh tế để tạo sinh kế cho người dân; trồng cây dọc biên giới. Nâng cao hiệu quả ngành lâm nghiệp, chế biến gỗ xuất khẩu gắn với phát triển vùng nguyên liệu bền vững; thương mại hóa tiến tới tiếp cận thị

trường tín chỉ các-bon²³. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Xây dựng Tuyên Quang trở thành Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao và Trung tâm sản xuất và chế biến gỗ”.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới toàn diện, đi vào chiều sâu. Huy động, đa dạng hóa các nguồn vốn để đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Khai thác tối đa điều kiện, tiềm năng, đặc thù của từng địa phương để xây dựng các vùng nông thôn thành những miền quê đáng sống. Khơi dậy tinh thần, vai trò chủ thể của nhân dân và cộng đồng dân cư trong xây dựng nông thôn mới.

Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất, thu hoạch, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; hoàn thiện kết cấu hạ tầng thủy lợi; đầu tư, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình nước sạch nông thôn. Quan tâm bố trí ổn định dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm. Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất, thu hoạch, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; hoàn thiện kết cấu hạ tầng thủy lợi; đầu tư, nâng cấp các công trình nước sạch nông thôn.

1.7. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển

Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các cơ chế, chính sách, quy định theo thẩm quyền nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính, tháo gỡ "điểm nghẽn", khó khăn, vướng mắc về thể chế, thúc đẩy các hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nâng cao chỉ số hiệu quả hành chính công (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI). Phát huy hiệu quả hoạt động Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang và các xã, phường. Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân.

²³ Trồng rừng tập trung 50.000 ha, bình quân trồng trên 10.000 ha/năm; sản lượng gỗ khai thác đạt trên 6,3 triệu m³; bình quân khai thác trên 1,26 triệu m³/năm; nâng cao năng suất, giá trị rừng trồng đến năm 2030, năng suất gỗ rừng trồng bình quân đạt 28m³/ha/năm; phát triển rừng gỗ lớn 90.000 ha, quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng trên 100.000 lượt ha; phấn đấu giá trị thu được từ gỗ nguyên liệu rừng trồng sản xuất 01 ha/chu kỳ 7 năm đạt 174 triệu đồng, giá trị thu được từ gỗ nguyên liệu rừng trồng sản xuất 01 ha/chu kỳ 10 năm đạt 317 triệu đồng.

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn nhà nước; hoàn thành việc sắp xếp, thoái vốn nhà nước đối với doanh nghiệp do tinh quản lý theo lộ trình, kế hoạch đã được phê duyệt; chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Tạo môi trường thuận lợi để kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực: vốn, đất đai, nhân lực, mặt bằng sản xuất kinh doanh,... thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị. Ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã nhằm phát triển kinh tế tập thể nhanh, bền vững; tạo môi trường thuận lợi để kinh tế tập thể được tiếp cận các cơ chế, chính sách hỗ trợ của nhà nước. Đẩy mạnh xã hội hóa trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

Tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp tư nhân tiếp cận bình đẳng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, mở rộng sản xuất, kinh doanh, đa dạng hóa thị trường, tái cơ cấu mặt hàng, xây dựng và phát triển thương hiệu, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Hỗ trợ tích cực các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phát huy hiệu quả của kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, hộ nông nghiệp và phi nông nghiệp; phát triển các làng nghề gắn với phát huy các giá trị văn hóa và bảo vệ môi trường. Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài; tập trung chủ yếu cho phát triển các ngành công nghệ cao.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao năng lực tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, giáo dục, y tế, văn hóa. Đẩy mạnh xã hội hóa cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

1.8. Phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị *về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*; xác định đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực quan trọng để tỉnh phát triển nhanh hơn, bền vững hơn trong giai đoạn tới. Tập trung xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để tạo môi trường thuận lợi cho nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, phù hợp với điều kiện địa phương; trọng tâm là nghiên cứu, xây dựng các chính sách về: Xây dựng quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến; ưu đãi tín dụng, thuế cho doanh nghiệp đầu tư vào sản phẩm công nghệ cao; hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; liên kết với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn để hỗ trợ chuyển giao công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp triển khai thương mại điện tử, phát triển sàn thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ,

nâng cao hiệu suất công nghệ, thương mại hóa sản phẩm, quy trình kinh doanh mới hoặc cải tiến cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế, đặc thù tại địa phương; hỗ trợ cho hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng; cơ chế đào tạo, thu hút nhân lực chất lượng cao,... Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đổi mới công nghệ, áp dụng các giải pháp số trong sản xuất, quản trị, kết nối thị trường. Thúc đẩy liên kết 4 nhà, Nhà khoa học, Nhà nông, Nhà doanh nghiệp và Nhà nước. Sử dụng công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin vào các ngành nghề truyền thống để tăng hiệu quả và nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm. Chú trọng phát triển các trung tâm khoa học công nghệ, chuyển đổi số, doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; đẩy mạnh liên kết giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện, trường - cộng đồng trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Ưu tiên phát triển và ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực có lợi thế như: Nông nghiệp thông minh, chế biến nông, lâm sản, phát triển cây dược liệu, du lịch số, bảo tồn văn hóa số, giáo dục và y tế từ xa. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ để tăng năng suất lao động, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của tỉnh, tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, mở rộng việc hỗ trợ xây dựng, bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm đặc sản gắn với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, phát triển đồng bộ ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến, xây dựng chính quyền điện tử hiện đại, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành.

Phát triển và khai thác có hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, cơ sở dữ liệu lớn. Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung cấp tỉnh, xã; hình thành nền tảng dữ liệu mở phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu quốc gia, dữ liệu của bộ, ngành, dữ liệu của địa phương bảo đảm dữ liệu được liên thông, tích hợp, chia sẻ phục vụ tối đa cho cải cách thủ tục hành chính và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, đặc biệt là cán bộ, công chức, viên chức cấp cơ sở, doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường đào tạo kỹ năng số toàn dân; có chính sách thu hút, phát huy vai trò đội ngũ trí thức, chuyên gia người địa phương và trí thức trẻ tình nguyện. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa nguồn lực cho hoạt động khoa học, công nghệ và chuyển đổi số. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho các chương trình nghiên cứu, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm đặc trưng, sản phẩm công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và toàn diện.

1.9. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách, quy hoạch về quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp tục xây dựng, rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các văn bản triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2024 theo thẩm quyền. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, quản lý, khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai để phát triển kinh tế - xã hội, nhất là quỹ đất công, đất có nguồn gốc nông, lâm trường, quỹ đất có lợi thế phát triển kinh tế - xã hội; coi trọng quản lý và thực hiện có hiệu quả việc giao đất, cho thuê đất. Bổ sung rà soát, thu hồi, chấm dứt dự án chậm triển khai theo quy định, tránh lãng phí nguồn lực. Tăng cường đăng ký quyền sử dụng đất và áp dụng định giá đất theo thị trường bảo đảm công khai, minh bạch. Chú trọng việc quản lý và sử dụng nguồn nước của các sông, suối trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chú trọng quản lý, phát triển tài nguyên rừng, tài nguyên nước, xác định đây là hai tài nguyên quý giá, tác động lớn đến tương lai phát triển bền vững của tỉnh. Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường. Chú trọng đầu tư phát triển các công trình bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng, các khu bảo tồn thiên nhiên; bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, quý hiếm.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia trên địa bàn tỉnh; phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai. Quan tâm xây dựng quy hoạch tổng thể, bố trí ổn định dân cư ra khỏi vùng lũ quét và sạt lở. Tăng cường công tác dự báo, nắm chắc diễn biến thời tiết, kiểm tra các điều kiện đảm bảo an toàn đối với các công trình thủy điện; an toàn đập, vùng hạ du đập; chuẩn bị sẵn sàng các phương án phòng, chống thiên tai. Chủ động phối hợp, trao đổi thông tin về thiên tai, khí tượng thủy văn với các địa phương của Trung Quốc.

2. Phát triển văn hóa - xã hội; xây dựng con người Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện, bền vững

2.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện, bền vững

Tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng và phát triển văn hóa, con người để trở thành nguồn

lực nội sinh và động lực phát triển bền vững. Phát triển toàn diện con người Tuyên Quang về đạo đức, nhân cách, trí tuệ, thể lực, thẩm mỹ, năng lực sáng tạo, kỹ năng sống và kỹ năng nghề nghiệp; nâng cao năng lực thích ứng và hội nhập trong bối cảnh chuyển đổi số và kinh tế tri thức. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực, tự cường; niềm tự hào và tự tin; phát huy truyền thống cách mạng, hun đúc khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc; đưa Tuyên Quang phát triển nhanh, bền vững, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp chung của đất nước trong kỷ nguyên mới. Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025-2035. Chú trọng công tác bảo tồn, khai thác và phát huy mạnh mẽ các giá trị di sản văn hóa, trong đó ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư bảo tồn các làng văn hoá dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch; phục hồi, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng và kháng chiến, trọng tâm là Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào, Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Địa điểm tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng và các di tích đã được xếp hạng.

Tổ chức thực hiện hiệu quả hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam; tạo động lực nâng cao đời sống tinh thần, củng cố nền tảng văn hóa trong gia đình, trường học, cơ quan, đơn vị và cộng đồng. Bảo vệ, gìn giữ thuần phong mỹ tục, tinh thần tương thân, tương ái, trọng đạo lý; đẩy mạnh thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, “xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, xóa bỏ hủ tục, tập quán lạc hậu; tích cực đấu tranh, phản bác những luận điệu xuyên tạc lịch sử, văn hóa và truyền thống cách mạng. Chú trọng nâng cao văn hóa chính trị, văn hóa kinh doanh và đạo đức doanh nhân, góp phần định hướng cho sự phát triển bền vững.

Tiếp tục đầu tư, cải tạo, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao ở cơ sở đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá, nâng cao sức khỏe, thể lực, tầm vóc của Nhân dân, thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng trong tỉnh; trọng tâm là đầu tư xây dựng hoàn thiện Khu liên hợp thể thao tỉnh, Trung tâm Văn hoá tỉnh, đảm bảo điều kiện tổ chức các sự kiện văn hoá, thể thao quy mô cấp quốc gia và quốc tế. Đẩy mạnh phát triển thể thao quần chúng, đầu tư phát triển các môn thể thao có thế mạnh, thành tích cao, như: Pencatsilat, đua thuyền, võ cổ truyền, vật dân tộc, bóng đá,... hướng tới mục tiêu cải thiện thứ hạng thể thao Tuyên Quang. Phát huy các giá trị văn hóa, thể thao gắn với phát triển du lịch.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong xây dựng, phát triển và quản lý văn hoá. Nâng cao chất lượng hoạt động văn học - nghệ thuật xứng tầm với truyền thống lịch sử, văn hóa, cách mạng và những thành quả trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý báo chí; xây dựng Báo và Phát thanh - Truyền hình Tuyên Quang trở thành cơ quan báo chí đa phương tiện mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại và nhân văn.

2.2. Thực hiện hiệu quả và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, thực chất, bền vững, chú trọng phát triển toàn diện năng lực, kỹ năng và phẩm chất người học; nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, giáo dục mũi nhọn; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mầm non từ 3 đến 5 tuổi; quan tâm chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới. Nâng cao chất lượng giáo dục tích hợp khoa học, kỹ thuật, công nghệ, toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, quản trị cơ sở giáo dục và hoạt động dạy học; xây dựng mô hình trường học số, trường học thông minh, trường học hạnh phúc. Chú trọng xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời, phong trào “học tập số”, phổ cập kỹ năng số cho người dân”.

Tăng cường định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông. Tiếp tục rà soát, sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển giáo dục phổ thông ngoài công lập. Đảm bảo đủ điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và nguồn lực tài chính cho giáo dục và đào tạo theo quy định; phấn đấu đến năm 2030, tỉ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; trang cấp phòng học trực tuyến cho các trường phổ thông. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống trường đạt chuẩn quốc gia, trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; xây dựng trường phổ thông nội trú tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo về số lượng và chất lượng; tiếp tục ban hành, triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách đột phá để phát hiện, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân tài, các chuyên gia, nhà khoa học giỏi trong các ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm của tỉnh.

2.3. Nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân

Thực hiện hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, đề án của Đảng, Nhà nước về công tác Y tế, chương trình mục tiêu Quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển, các chương trình về dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Chú trọng đào

tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng. Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Xây dựng, phát triển mạng lưới cơ sở y tế hiện đại, đồng bộ, phù hợp với đặc điểm phân bố dân cư; đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư, thiết bị y tế có chất lượng, an toàn, hiệu quả. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu về y tế, sức khỏe và triển khai sổ sức khỏe điện tử của công dân. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, phát triển dịch vụ y tế kỹ thuật cao, chuyên sâu; kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong khám bệnh, chữa bệnh; xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh.

Chú trọng công tác y tế dự phòng, bảo đảm đủ năng lực dự báo, giám sát và phát hiện dịch bệnh sớm, khống chế, không để dịch bệnh lớn, nguy hiểm xảy ra; có chính sách hỗ trợ đối với một số bệnh hiếm nghèo. Tập trung đầu tư, thu hút các nguồn lực cho phát triển y tế; khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập; có chính sách hỗ trợ nhằm thu hút đầu tư, tạo cơ hội cho y tế tư nhân phát triển chuyên sâu, mở rộng; đảm bảo sự công bằng trong thực hiện chính sách giữa các cơ sở y tế ngoài công lập với các cơ sở y tế công lập. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở; mở rộng hoạt động khám, chữa bệnh từ xa, tạo điều kiện cho mọi người dân được chăm sóc sức khỏe thường xuyên ngay tại cộng đồng với chất lượng ngày càng cao; mọi người dân được khám sức khỏe định kỳ ít nhất mỗi năm một lần. Thực hiện chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển nhằm nâng cao chất lượng dân số; phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hoá dân số; chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, phòng, chống suy dinh dưỡng nhằm nâng cao sức khỏe, tầm vóc, tuổi thọ người dân. Hỗ trợ phát triển, bảo vệ giống nòi của các dân tộc rất ít người (như Pà Thẻn, Lô Lô, Bố Y, Pu Páo, Cờ Lao).

2.4. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, công tác dân tộc, tôn giáo

Thực hiện tốt các chính sách bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. Tập trung nguồn lực hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu của cả nước đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo, miễn viện phí toàn dân. Triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên đầu tư hạ tầng thiết yếu và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục, nước sinh hoạt, giao thông tại vùng sâu, vùng xa, biên giới; đa dạng hóa sinh kế, thúc đẩy sản xuất gắn với chuỗi giá trị, từng

bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống của người dân. Tạo điều kiện cho người dân sinh sống ổn định, lâu dài ở khu vực khó khăn, khu vực trọng yếu về an ninh, quốc phòng. Đẩy mạnh mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, nhất là bảo hiểm tự nguyện cho nông dân, lao động phi chính thức. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách với người có công và các chính sách an sinh xã hội dành cho nhóm yếu thế trong xã hội, bảo đảm mức sống của gia đình người có công từ mức trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Thực hiện bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội...

Thực hiện kịp thời, đầy đủ chính sách người có công với cách mạng, chính sách trợ giúp xã hội, hỗ trợ người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác; triển khai có hiệu quả chính sách, pháp luật, các chương trình, đề án về chăm sóc, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ. Triển khai các giải pháp phòng chống tệ nạn xã hội, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, điều trị, cai nghiện cho người nghiện ma túy.

Triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nâng cao trình độ dân trí, chăm sóc sức khỏe, nâng mức hưởng thụ văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số tại chỗ có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng được yêu cầu của địa phương. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện Luật Tín ngưỡng Tôn giáo và các văn bản có liên quan. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo; giải quyết kịp thời theo pháp luật nhu cầu sinh hoạt tôn giáo chính đáng; chủ động phối hợp đấu tranh với các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo để gây kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chống phá Đảng và nhà nước.

3. Xây dựng chính quyền vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng công tác tư pháp

Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, định hướng của Đảng về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi, ổn định, góp phần tạo lập nền tảng cho xây dựng hệ thống quản lý - quản trị kiến tạo, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, huy động mọi nguồn lực phát triển, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

Thực hiện có hiệu quả mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ người dân và doanh nghiệp, đáp

ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Phát huy tốt vai trò quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân các cấp, hướng tới xây dựng nền hành chính hiện đại, chính quyền số. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, phối hợp và kiểm tra, giám sát; phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng và triển khai thực hiện các cơ chế, quy định tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo phương châm: *"địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm"*. Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, biên chế, mối quan hệ công tác giữa các cấp chính quyền. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu, số lượng phù hợp, đủ tiêu chuẩn, phẩm chất, năng lực, thực sự chuyên nghiệp, liêm chính. Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách, chế độ đãi ngộ xứng đáng để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác, thực hiện nghiêm trách nhiệm và đạo đức công vụ.

Triển khai nghiêm túc, hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đảm bảo giải quyết đơn thư kịp thời, không để tồn đọng, kéo dài. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên xảy ra khiếu nại, tố cáo nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành của người dân.

Tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp; thực hiện tốt công tác trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư pháp, hướng tới xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính. Hoàn thiện phương thức hoạt động của các cơ quan tư pháp theo tổ chức bộ máy mới.

4. Tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại

Tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh biên giới và nội địa; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ quốc gia; giải quyết hiệu quả các vấn đề dân tộc, tôn giáo. Tiếp tục củng cố, tăng cường các tiềm lực xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, phù hợp với vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của tỉnh. Trọng tâm là xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân, trên cơ sở xây dựng thể trận lòng dân vững chắc; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng cao ý thức quốc phòng, khuyến khích các dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động bảo vệ biên giới, duy trì ổn định địa bàn. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các

cuộc luyện tập, diễn tập đảm bảo thiết thực, hiệu quả, sát với yêu cầu thực tiễn trong tình hình mới. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, sức chiến đấu cao, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Chủ động ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ quốc gia trong mọi tình huống. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách hậu phương Quân đội; thực hiện rà phá bom, mìn, quy tập hài cốt liệt sĩ trên địa bàn.

Tăng cường công tác bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực, ứng phó có hiệu quả với các mối đe dọa, thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, trọng tâm là an ninh biên giới, an ninh con người, an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh dân tộc, tôn giáo, an ninh tư tưởng, văn hóa. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về an ninh, trật tự; nắm chắc tình hình, giải quyết kịp thời các nguy cơ và yếu tố phức tạp nảy sinh; xử lý đúng quy định, hài hòa các vấn đề dân tộc, tôn giáo, các “hiện tượng tôn giáo mới”; phát huy vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, lực lượng cốt cán trong tôn giáo; củng cố vững chắc kết quả đạt được trong công tác bảo đảm an ninh dân tộc, tôn giáo; kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn các hành vi lợi dụng tự do, dân chủ, tự do tín ngưỡng, tôn giáo nhằm kích động, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất an ninh, trật tự. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia vào công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật; phát huy vai trò của lực lượng Công an cấp xã gắn với kiện toàn, củng cố, huy động sức mạnh của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại. Bám sát phương châm “chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả”, kết hợp đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân, chú trọng đối ngoại biên phòng. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế gắn với việc thực hiện hiệu quả chủ trương, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh và nâng cao hơn nữa công tác ngoại giao kinh tế toàn diện, hiệu quả, thực chất trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh, trọng tâm và ưu tiên phát triển các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh nhằm tăng cường thu hút nguồn lực phục vụ phát triển bền vững của địa phương. Tiếp tục củng cố, làm sâu sắc quan hệ hợp tác với các đối tác truyền thống, đồng thời tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác tiềm năng, phù hợp với định hướng

phát triển của tỉnh; đổi mới công tác thông tin đối ngoại và ngoại giao kinh tế, văn hóa góp phần giới thiệu, quảng bá hình ảnh, thành tựu phát triển và tiềm năng, thế mạnh của tỉnh ra nước ngoài.